TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1051/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phẹo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;

2. Ông Lê Văn Rồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 608/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 281/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Cao N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số 39/9 đường 10, tổ 7, khu phố 2, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông N có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 17 đường Tỉnh lộ 15, ấp 1A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 13/5/2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Dương Cao N trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng kí kết hôn số 36/2019 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/5/2019. Sau khi kết hôn ông bà

chung sống tại gia đình của ông ở: Số 39/9 đường 10, tổ 7, khu phố 2, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau một khoảng thời gian chung sống với nhau, ông nhận thấy giữa ông và bà H có nhiều sự khác biệt về cách sống và quan điểm sống. Nguyên nhân là do bà H có thu nhập cao hơn nên thường hay có thái độ xem thường ông, khi gia đình có góp ý thì bà H có thái độ không tốt với gia đình của ông. Bản thân bà H không xem trọng giá trị của gia đình, mỗi khi cãi nhau bà H lại đòi ly hôn và bà H đã hai lần viết đơn ly hôn nhưng không nộp. Gia đình hai bên đã ngồi lại để tìm cách hàn gắn tình cảm của hai vợ chồng, tuy nhiên do quan điểm của cả hai quá khác biệt nên không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Tháng 4 năm 2020, bà H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã T, huyện C để ở và ông bà cũng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông nhận thấy không thể chung sống với bà H nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông N trình bày không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông N trình bày không có.

Bà Nguyễn Thị Kim H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 13/5/2020, ông Dương Cao N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H hiện đang cư trú tại: Số 17 đường Tỉnh lộ 15, ấp 1A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim H đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H vẫn không đến để tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Dương Cao N và bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2019 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/5/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của ông Dương Cao N thì sau kết hôn giữa ông và bà H đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống, đã không cảm nhận thấy hạnh phúc. Nguyên nhân là do bà H có thu nhập cao hơn nên thường hay có thái độ xem thường ông, khi gia đình có góp ý thì bà H có thái độ không tốt với gia đình của ông. Bản thân

bà H không xem trọng giá trị của gia đình, mỗi khi cãi nhau bà H lại đòi ly hôn và bà H đã hai lần viết đơn ly hôn nhưng không nộp. Tháng 4 năm 2020, bà H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã T, huyện C để ở và ông bà cũng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Bà H đã được Tòa triệu tập nhưng bà không đến Tòa, đồng thời cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ bà H không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N và bà H đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông N trình bày không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Ông N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông N trình bày không có.

Bà Nguyễn Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu bà H có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc ông Dương Cao N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Cao N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Dương Cao N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2019 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/5/2019 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Ông Dương Cao N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Dương Cao N trình bày không có.

Nếu bà H có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Dương Cao N phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0084061 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Phẹo